

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2020/HS-ST
Ngày 18- 6- 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Quốc Đạt

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Nguyễn Thị Nguyên

2/ Bà Trần Thị Đúng

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Khắc Tuấn

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Ngô Hoàng Phương Đại - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2020 tại Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 76/2020/TLST-HS ngày 28 tháng 4 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 82/2020/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 6 năm 2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: Trần Văn S, sinh năm 1991 tại Thành phố Hồ Chí Minh; hộ khẩu thường trú: đường Thái Phiên, Phường C, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú trước khi bị bắt: Ấp 2A, xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hoá (học vấn) 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn Đ và bà Nguyễn Thị T; bị cáo chung sống như vợ chồng với bà Khê Thị Thái T, sinh năm 1985 và có một con sinh năm 2019; tiền sự: Không;

Tiền án:

Bản án số 3068/2010/HS-ST ngày 21/12/2010 của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt bị cáo 03 năm tù về tội “Cướp giật tài sản”. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt của Bản án này nhưng chưa được xóa án tích.

Bản án số 361/2013/HS-ST ngày 17/12/2013, Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt bị cáo 06 năm tù về tội “Cướp giật tài sản” (ngày 08/4/2018, bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù theo Giấy chứng nhận số 304/GCN của Trại Tạm giam Châu Bình, tỉnh Bến Tre).

Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam ngày 19/01/2020 (có mặt)

- *Những người tham gia tố tụng khác:*

Bị hại: Bà Lâm Thị Thu H, sinh năm 1991; Thường trú: Ấp R, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. tạm trú: đường Lê Tấn Bê, phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Bà Lê Thị Tuyết M, sinh năm 1967; Thường trú: Khu phố Đ, phường T, thị xã D, tỉnh Bình Dương (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Ngày 19/01/2020, bị cáo Trần Văn S điều khiển xe mô tô Biển số 61F9-0169 lưu thông trên đường Vĩnh Lộc. Khi đi đến khu vực tại địa chỉ Ấp 1, xã P, huyện B thì bị cáo nhìn thấy bà Lâm Thị Thu H đang ngồi trên xe mô tô dựng trên lề đường, trên cổ bà H đeo một sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng nên đã nảy sinh ý định chiếm đoạt sợi dây chuyền này để bán lấy tiền tiêu xài. Bị cáo dựng xe bên đường, đi bộ đến chỗ bà H ngồi và nhanh chóng dùng tay phải giật sợi dây chuyền làm sợi dây chuyền bị đứt ra và rơi xuống cổ bà H. Bà H dùng tay giữ lại sợi dây chuyền và tri hô mọi người đuổi theo bắt giữ bị cáo giao Công an xã P lập hồ sơ, chuyển cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bình Chánh xử lý.

Kết luận định giá tài sản số 165/HĐĐG-TTHS-TCKH ngày 03/02/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Bình Chánh kết luận: Tại thời điểm bị chiếm đoạt, sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng dài 26 cm của bà H có giá trị là 8.000.0000 đồng (tám triệu đồng).

Cáo trạng số 81/CT-VKS ngày 23/4/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo về tội “Cướp giật tài sản” theo Điều i Khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm i khoản 2 Điều 171; điểm h và s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo từ 05 (năm) đến 06 (sáu) năm tù. Đồng thời, đề nghị xử lý vật chứng theo quy định.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi chiếm đoạt tài sản phù hợp với nội dung đã được tóm tắt nêu trên, không tự bào chữa, không tranh luận. Bị cáo đề nghị được giảm nhẹ hình phạt.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Bình Chánh, điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo Trần Văn S khai nhận: Ngày 19/01/2020 khi đang điều khiển xe mô tô Biển số 61F9-0169 đến khu vực địa chỉ Ấp 1, xã P, huyện B, bị cáo nhìn thấy bà Lâm Thị Thu H đang ngồi trên xe mô tô dựng trên lề đường, trên cổ có đeo sợi dây chuyền nên nảy sinh ý định chiếm đoạt đem bán lấy tiền tiêu xài. Bị cáo dựng xe bên đường, đi bộ đến tiếp cận bà H và dùng tay phải giật sợi dây chuyền. Bị cáo tính nhanh chóng chạy lại xe đang dựng bên đường để tẩu thoát nhưng do sợi dây chuyền bị đứt, bà H giữ lại sợi dây chuyền và tri hô mọi người đuổi theo bắt giữ bị cáo giao Công an xử lý.

Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa, trong quá trình điều tra và lời khai của bị hại, đương sự phù hợp với nhau, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác thu thập được trong hồ sơ vụ án. Kết luận định giá tài sản số 165/HĐĐG-TTHS-TCKH ngày 03/02/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Bình Chánh kết luận: Tại thời điểm bị chiếm đoạt, sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng dài 26 cm của bà H có giá trị 8.000.0000 đồng (tám triệu đồng).

[3] Bị cáo có hai tiền án chưa được xóa án tích, trong đó có một tiền án về tội rất nghiêm trọng do cố ý, nay lại tiếp tục phạm tội rất nghiêm trọng do cố ý nên thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm - là tình tiết định khung hình phạt. Như vậy, có đủ chứng cứ để kết luận: Hành vi như trên của bị cáo đã phạm tội “Cướp giật tài sản” quy định tại điểm i khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2017) như Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố là đúng người, đúng tội.

[4] Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội cố ý trực tiếp, lợi dụng lúc chủ sở hữu tài sản sơ hở rồi công khai thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản trái pháp luật và nhanh chóng tẩu thoát. Động cơ phạm tội là để bán tài sản lấy tiền tiêu xài. Hành vi này của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được nhà nước bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự, an ninh xã hội tại địa phương. Bị cáo đã hai lần bị xử về tội “Cướp giật tài sản” nhưng sau khi chấp hành xong hình phạt tù, bị cáo không thay đổi và tuân thủ pháp luật mà lại còn tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội như trên. Vì vậy, cần có mức án nghiêm khắc đối với bị cáo để đủ tác dụng răn đe, giáo dục, phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải;

phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn nên Hội đồng xét xử sẽ căn cứ vào các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2017) để giảm nhẹ một phần hình phạt bị cáo.

[8] Về trách nhiệm dân sự:

Trong quá trình điều tra, bị hại đã được nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại, tại phiên tòa vắng mặt nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về xử lý vật chứng vụ án: 01 chiếc xe mô tô biển số 61F9-0169

Qua xác minh, xe này có nguồn gốc do bà Lê Thị Tuyết M làm chủ sở hữu nhưng đã bán lại cho một người không rõ lai lịch. Tại phiên tòa, bị cáo khai mượn xe này của một người bác ở tỉnh Bình Dương nhưng bị cáo không biết địa chỉ của người này. Khi mượn xe thì người này không đưa cho bị cáo tài liệu, chứng cứ gì liên quan đến xe nên bị cáo không thể cung cấp cho Tòa án. Hội đồng xét xử xét thấy cần giao chiếc xe này cho cơ quan thi hành án để tiếp tục tiến hành các thủ tục tìm chủ sở hữu tài sản và xử lý theo quy định tại Điều 228 Bộ luật Dân sự 2015.

[10] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm i khoản 2 Điều 171; điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017):

Xử phạt: Bị cáo Trần Văn S 05 (năm) tù về tội “Cướp giật tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 19/01/2020.

2. Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017); Căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Căn cứ Điều 228 Bộ luật Dân sự năm 2015:

Giao chiếc xe mô tô biển số 61F9-0169 cho cơ quan thi hành án dân sự để tiến hành các thủ tục tìm chủ sở hữu tài sản và xử lý theo quy định tại Điều 228 Bộ luật Dân sự năm 2015.

(Chiếc xe này hiện này đang giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định chuyển vật chứng số 53/QĐ-VKS ngày 13/4/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh và Biên bản giao nhận vật chứng ngày 07/5/2020 giữa Công an huyện Bình Chánh và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh).

3. Căn cứ vào các Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Bị cáo nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng).

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân

sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

5. Quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án (18/6/2020), bị cáo được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm đến Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Đối với bị hại và đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo 15 (mười lăm) ngày, tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND TP.HCM;
- VKSND huyện Bình Chánh;
- Bị cáo; Bị hại; Đương sự;
- Cơ quan điều tra Công an huyện Bình Chánh;
- Chi cục Thi hành án dân sự;
- Sở Tư pháp TP.HCM;
- Trại tạm giam Chí Hòa;
- UBND Phường C, Quận D, TP.HCM;
- UBND xã Lê Minh Xuân, huyện Bình Chánh; TP.HCM;
- Lưu: Vp; Hồ sơ vụ án (Tp. Đạt).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Đỗ Quốc Đạt